

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32-CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-HĐDH ngày 14/8/2020 của Chủ tịch hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết);
- Lưu: VT, ĐT.



PGS. TS. Lưu Trang

**CHƯƠNG TRÌNH VÀ THỰC HIỆN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
CHO NGƯỜI CÓ BẰNG CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP CÓ NGUYỆN
VỌNG TRỞ THÀNH GIÁO VIÊN TIỂU HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 6 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)*

1. Khối lượng chương trình

Tổng số 35 tín chỉ trong đó:

- Số tín chỉ học phần bắt buộc (BB): 31 tín chỉ;
- Số tín chỉ học phần tự chọn (TC): 04 tín chỉ.

(Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 01 tiết lý thuyết tương đương với 02 tiết thảo luận, thực hành).

2. Nội dung chương trình

a. Nội dung phần bắt buộc tối thiểu (31 tín chỉ)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG				
BB1	Sinh lý học trẻ em	2	20	20
BB2	Tâm lý học giáo dục	2	20	20
BB3	Giáo dục học	3	30	30
BB4	Giao tiếp sư phạm	3	15	60
BB5	Quản lý hành vi của học sinh	2	15	30
BB6	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	15	30
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH				
BB7	Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình môn học	2	10	40
BB8	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh	3	30	30
BB9	Phương pháp dạy học: (chọn 01 trong các phương pháp dạy học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ)	3	15	60
BB10	Đánh giá học sinh	3	20	50



Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
BB11	Ứng dụng CNTT trong giáo dục và dạy học	2	10	40
THỰC TẬP SƯ PHẠM				
BB12	Thực tập sư phạm 1	2	0	60
BB13	Thực tập sư phạm 2	2	0	60

b. Nội dung phần tự chọn tối thiểu 04 tín chỉ (chọn 02 trong số 07 học phần)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
TC1	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	2	15	30
TC2	Xây dựng môi trường giáo dục	2	15	30
TC3	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2	15	30
TC4	Thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học	2	15	30
TC5	Phối hợp với gia đình và cộng đồng	2	15	30
TC6	Công tác chủ nhiệm lớp và công tác Đội	2	15	30
TC7	Tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	30



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

**CHƯƠNG TRÌNH VÀ THỰC HIỆN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
CHO NGƯỜI CÓ BẰNG CỬ NHÂN CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP
CÓ NGUYỆN VỌNG TRỞ THÀNH GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ,
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ-ĐHSP ngày 13 tháng 6 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng)*

1. Cấu trúc và thời lượng chương trình

a. Cấu trúc chương trình

Chương trình gồm khối học phần chung (phần A) và khối học phần nhánh: Khối học phần dành cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với các môn học cấp THCS, có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS (phần B) hoặc người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với các môn học cấp THPT, có nguyện vọng trở thành giáo viên THPT (phần C).

b. Thời lượng chương trình

- Khối học phần chung: 17 tín chỉ (TC), gồm 15 TC bắt buộc và 02 TC tự chọn.
- Khối học phần nhánh: 17 TC nhánh THCS, 17 TC nhánh THPT

(Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 01 tiết lý thuyết tương đương với 02 tiết thảo luận, thực hành).

2. Nội dung chương trình

a. Khối học phần chung (17 tín chỉ)

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
HỌC PHẦN BẮT BUỘC (15 TC)				
A1	Tâm lý học giáo dục	2	20	20
A2	Giáo dục học	2	15	30
A3	Lý luận dạy học	2	15	30
A4	Đánh giá trong giáo dục	2	15	30
A5	Quản lý nhà nước về giáo dục	2	20	20
A6	Giao tiếp sư phạm	2	10	40
A7	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3	0	90



Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
			Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
HỌC PHẦN TỰ CHỌN (02 TC, chọn 01 trong số 10 học phần)				
A8	Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	2	15	30
A9	Kỹ luật tích cực	2	15	30
A10	Quản lý lớp học	2	15	30
A11	Kỹ thuật dạy học tích cực	2	10	40
A12	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	2	10	40
A13	Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng	2	10	40
A14	Tổ chức hoạt động giáo dục STEM ở trường phổ thông	2	10	40
A15	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	2	10	40
A16	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2	15	30
A17	Xây dựng môi trường giáo dục	2	15	30

b. Khối học phần nhánh THCS (17 tín chỉ)

Thời lượng mỗi khối học phần nhánh THCS (Phần B): 17 TC, gồm 09 TC lựa chọn theo môn học, 06 TC thực hành, thực tập bắt buộc ở trường phổ thông và 02 TC tự chọn.

Nhánh THCS (phần B)		Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
Mã học phần	Tên học phần		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
Học phần lựa chọn theo môn học (09 TC)				
Người học có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với 01 môn học cụ thể ở trường THCS/THPT thì cần đăng kí học nhóm học phần lựa chọn tương ứng (09TC) để học tập, rèn luyện và phát triển năng lực dạy học môn học đó.				
B1	Phương pháp dạy học [tên môn học] ^(a) ở trường THCS	2	15	30
B2	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] ^(a) ở trường THCS	2	10	40
B3	Tổ chức dạy học [tên môn học] ^(a) ở trường THCS	2	10	40
B4	Thực hành dạy học [tên môn học] ^(a) cấp THCS ở trường sư phạm	3	0	90
Học phần thực hành, thực tập bắt buộc ở trường phổ thông (06 TC)				
B5	Thực hành kỹ năng giáo dục ở trường THCS	2	0	100

TR
ĐÀ
SƯ
HỌC

Nhánh THCS (phần B)		Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
Mã học phần	Tên học phần		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
B6	Thực tập sư phạm 1 ở trường THCS	2	0	250
B7	Thực tập sư phạm 2 ở trường THCS	2	0	250
Học phần tự chọn (02 TC)				
B8	Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS	2	15	30
B9	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường THCS	2	10	40
B10	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường THCS	2	15	30

c. Khối học phần nhánh THPT (17 tín chỉ)

Thời lượng mỗi khối học phần nhánh THPT (Phần C): 17 TC, gồm 09 TC lựa chọn theo môn học, 06 TC thực hành, thực tập bắt buộc ở trường phổ thông và 02 TC tự chọn.

Nhánh THPT (phần C)		Số tín chỉ	Số tiết dạy trên lớp	
Mã học phần	Tên học phần		Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
Học phần lựa chọn theo môn học (09 TC)				
Người học có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với 01 môn học cụ thể ở trường THCS/THPT thì cần đăng kí học nhóm học phần lựa chọn tương ứng (09TC) để học tập, rèn luyện và phát triển năng lực dạy học môn học đó.				
C1	Phương pháp dạy học [tên môn học] ^(b) ở trường THPT	2	15	30
C2	Xây dựng kế hoạch dạy học [tên môn học] ^(b) ở trường THPT	2	10	40
C3	Tổ chức dạy học [tên môn học] ^(b) ở trường THPT	2	10	40
C4	Thực hành dạy học [tên môn học] ^(b) cấp THPT ở trường sư phạm	3	0	90
Học phần thực hành, thực tập bắt buộc ở trường phổ thông (06 TC)				
C5	Thực hành kỹ năng giáo dục ở trường THPT	2	0	100
C6	Thực tập sư phạm 1 ở trường THPT	2	0	250
C7	Thực tập sư phạm 2 ở trường THPT	2	0	250

Nhánh THPT (phần C)		Số tiết dạy trên lớp		
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành, thảo luận
Học phần tự chọn (02 TC)				
C8	Tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT	2	15	30
C9	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ở trường THPT	2	10	40
C10	Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường THPT	2	15	30

(a) Gồm các môn học: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ (Tiếng Anh); Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Tin học; Giáo dục thể chất (cấp THCS trong Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo); Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật).

(b) Gồm các môn học: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ (Tiếng Anh); Lịch sử; Địa lí; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Vật lí; Hóa học; Sinh học Tin học (cấp THPT trong Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang